

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 553/2022/HS-PT
Ngày 16 tháng 8 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy– Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Đặng Hồ Vân Th;

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2021/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Hồ Vân Th, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1976 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: kế toán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc V, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Hồ Thị Ngọc S, sinh năm 1953; chồng: Lý Thế D, sinh năm 1972, con; 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hồ Vân Th: Luật sư Nguyễn Hồng Nh và Luật sư Chu Tấn H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Các bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị:

1/. Lê Thị Thu H, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1987 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: ấp B1, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: kế toán, (có mặt).

2/. Phạm Thị Ái Nh, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1977 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi

cư trú: ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: kế toán, (vắng mặt).

- *Bị hại:* Bệnh viện B.

Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc Bệnh viện B.
Địa chỉ: đường V, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thạch Thị Tú O - nhân viên Bệnh viện B
(Theo văn bản ủy quyền ngày 10/08/2022; có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Nguyễn Thị Ánh M. Nơi công tác: Bệnh viện B (kế toán trưởng). Nơi cư trú: đường V, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa).

2/. Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1985. Nơi công tác: phòng Tài chính kế toán Bệnh viện B. Nơi cư trú: đường Tr, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3/. Bà Vương Thị Hoàng Y, sinh năm 1984. Nơi công tác: phòng Tài chính kế toán Bệnh viện B. Nơi cư trú: đường Ng, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

4/. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1977. Nơi công tác: phòng Tài chính kế toán Bệnh viện B. Nơi cư trú: đường Đ, phường Ph1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

5/. Bà Trương Thị Thanh Ch, sinh năm 1986. Nơi công tác: phòng Tài chính kế toán Bệnh viện B. Nơi cư trú: Thôn Ph2, xã C, huyện Ch, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

6/. Bà Nguyễn Thị Lệ Th1, sinh năm 1985. Nơi công tác: phòng Tài chính kế toán Bệnh viện B. Nơi cư trú: Tổ 13, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1/. Bà Trần Thị H2. Nơi công tác: thủ quỹ - phòng Tài chính kế toán Bệnh viện B. Nơi cư trú: đường Ng1, khu phố 5, phường Ph3, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2/. Bà Nguyễn Thị L. Nơi công tác: thủ quỹ - phòng Tài chính kế toán Bệnh viện B. Nơi cư trú: ấp T, xã L1, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Hồ Văn Th, Lê Thị Thu H và Phạm Thị Ái Nh là nhân viên kế toán làm việc tại Bệnh viện B và được phân công làm việc tại tổ nội trú Bộ phận thu viện phí thuộc Phòng Tài chính – Kế toán Bệnh viện B, có chức năng thu và thanh toán tiền tạm ứng viện phí của những bệnh nhân đến khám, điều trị bệnh nội trú tại bệnh viện.

Trong đó, Th được phân công làm Tổ trưởng tổ nội trú có nhiệm vụ đôn đốc, quản lý chăm công, phân công ca trực và thực hiện công tác kế toán, H và Nh là nhân viên hợp đồng được chuyển đến tổ thu viện phí từ tháng 06/2012 và tháng 08/2012.

Quy trình thu tạm ứng và thanh toán viện phí tại Bệnh viện B giai đoạn này được tóm tắt như sau: Bệnh nhân khi nhập viện, bệnh viện yêu cầu đóng tạm ứng viện phí (trừ các bệnh nhân xuất trình được thẻ bảo hiểm y tế hoặc trẻ dưới 6 tuổi xuất trình giấy chứng sinh, giấy khai sinh, thẻ bảo hiểm y tế), khoa điều trị viết giấy đề nghị tạm ứng viện phí thể hiện nội dung: mã số, họ tên bệnh nhân, số tiền phải đóng tạm ứng rồi đưa cho bệnh nhân hoặc thân nhân bệnh nhân đến bộ phận thu viện phí để đóng tiền tạm ứng viện phí. Nhân viên kế toán tổ nội trú bộ phận thu viện phí căn cứ giấy đề nghị tạm ứng viện phí do bệnh nhân hoặc thân nhân nộp nhập mã số bệnh nhân và các thông tin trên giấy đề nghị để in biên nhận thu tạm ứng viện phí. Biên nhận thu viện phí được in làm 2 liên: liên hồng đưa bệnh nhân nộp cho khoa điều trị, đến khi điều trị xong sẽ được khoa điều trị xác nhận ở mặt sau biên nhận đưa lại cho bệnh nhân làm thủ tục thanh toán viện phí; liên trắng được bộ phận thu viện phí lưu giữ lại đến cuối ngày nộp cho bộ phận làm báo cáo để báo cáo thu tạm ứng viện phí trong ngày. Mỗi nhân viên kế toán có một mặt khẩu đăng nhập riêng vào máy tính để in biên nhận thu tạm ứng viện phí có sẵn mặt định tên của nhân viên kế toán trên biên nhận. Tuy nhiên, giai đoạn này hệ thống quản lý tin học yếu kém nên hầu hết các nhân viên trong tổ đều có thể dùng quyền in của nhau để in ra các chứng từ thu tạm ứng viện phí. Trước thời điểm ngày 30/6/2014, biên nhận thu tạm ứng viện phí không thể hiện giờ in trên biên nhận, phần mềm in chỉ quản lý mã số bệnh nhân nên nhân viên kế toán bộ phận thu viện phí chỉ cần gõ mã số bệnh nhân sẽ in được biên nhận thu tạm ứng viện phí, không hạn chế số lần in hoặc cảnh báo khi in lần tiếp theo. Bệnh nhân hoặc thân nhân bệnh nhân có thể đóng tạm ứng nhiều lần trong quá trình điều trị.

Bệnh nhân khi xuất viện, bộ phận thu viện phí bệnh viện làm thủ tục trả lại tiền tạm ứng hoặc thanh toán viện phí như sau:

Đối với trường hợp trả lại tiền tạm ứng viện phí, sau khi bệnh nhân xuất trình thẻ bảo hiểm y tế, giấy chứng sinh hoặc giấy khai sinh trẻ em dưới 6 tuổi, khoa điều trị xác nhận ở mặt sau của biên nhận thu tạm ứng viện phí; nhân viên kế toán bộ phận thu viện phí có trách nhiệm kiểm tra việc có xác nhận của khoa điều trị ở mặt sau biên nhận hay không để trả lại tiền tạm ứng viện phí cho bệnh nhân hoặc thân nhân bệnh nhân (trong trường hợp bệnh nhân hay người nhà bệnh nhân đóng tạm ứng viện phí làm nhiều lần thì sau khi điều trị, khoa điều trị chỉ xác nhận vào 1 trong các liên hồng nói trên và các nhân viên thu phí cũng linh động xử lý trả lại tiền cho bệnh nhân hay thân nhân người bệnh).

Đối với trường hợp thanh toán viện phí, căn cứ bảng kê chi phí khám chữa bệnh nội trú và một số chi phí khác, đối chiếu với số tiền tạm ứng viện phí, bộ phận thu viện phí sẽ thanh toán cho bệnh nhân hoặc thân nhân bệnh nhân khi có tiền thừa. Thủ tục trả, thanh toán tạm ứng viện phí được nhân viên kế toán tổ thu viện phí trực tiếp chi trả bằng cách ghi (viết tay) vào bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí và yêu cầu bệnh nhân hoặc thân nhân người bệnh ký nhận vào bảng kê. Bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí được các nhân viên kế toán sử dụng chung, chuyển cho nhau để ghi khi thực hiện chi trả tạm ứng viện phí cho đến khi ghi hết hai mặt tờ

giấy của bảng kê thì sử dụng bảng kê tiếp theo. Đối với những ngày ít bệnh nhân thanh toán tiền viện phí thì tổ thu viện phí gồm 4 – 5 nhân viên sử dụng chung 1 bảng kê chi trả tạm ứng viện phí, ngày nào đông bệnh nhân thì các nhân viên nói trên có thể sử dụng 2 đến 3 bảng kê chi trả viện phí và sau đó thì tổng hợp lại 1 bảng để thống nhất toàn bộ danh sách bệnh nhân đã được chi trả viện phí trong ngày.

Cuối ngày, các nhân viên kế toán thu, chi tạm ứng viện phí tập hợp chứng từ thu, chi trong ngày, ghi nhận số tiền còn lại để nhân viên kế toán được phân công trực làm báo cáo trong ngày; chỉ tập hợp chứng từ gửi nhân viên làm báo cáo ngày, số tiền thực tế thu trong ngày mỗi nhân viên kế toán thu, chi trực tiếp quản lý cho đến 07 giờ sáng ngày hôm sau nộp lại cho thủ quỹ bệnh viện. Các chứng từ chi trả tạm ứng viện phí được lưu giữ ngay góc phòng của bộ phận thu viện phí, bệnh viện không phân công người quản lý, giám sát chuyên trách, cũng không có phòng lưu trữ, bảo quản hồ sơ theo qui định.

Quá trình điều tra xác định, khi thực hiện nhiệm vụ, biết được việc lưu giữ hồ sơ chứng từ chi trả tạm ứng viện phí tại tổ nội trú Bộ phận thu viện phí không có người được giao nhiệm vụ quản lý, bảo quản chuyên trách và hệ thống phần mềm quản lý, phần mềm in biên nhận thu tạm ứng viện phí không đảm bảo kỹ thuật, có thể in thêm được biên nhận thu tạm ứng viện phí cùng số seri mà không nhảy số, không cảnh báo số lần khi in thêm nên một số nhân viên đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao khi làm việc trong giờ hành chính hoặc trong ca trực tự ý rút chứng từ biên nhận thu tạm ứng viện phí trong hồ sơ đã chi trả lại tiền tạm ứng viện phí hoặc tự ý in thêm biên nhận thu tạm ứng viện phí cùng số seri rồi ghi không tên bệnh nhân cùng số tiền tương ứng với số tiền chi trả tạm ứng viện phí trước đó và tự ký không tên bệnh nhân hoặc thân nhân bệnh nhân tại mục “ký nhận” trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí vào những ngày khác nhau để tiếp tục làm thủ tục thanh toán viện phí. Đến 07 giờ sáng hôm sau, các nhân viên quyết toán với thủ quỹ bệnh viện số tiền phải nộp bằng số tiền thu tạm ứng viện phí của bệnh nhân nhập viện phát sinh mới trừ đi số tiền chi trả tạm ứng viện phí trong ngày. Với thủ đoạn nêu trên, tổng số tiền bệnh viện bị chiếm đoạt, thất thoát là 929.778.000 đồng.

Hành vi phạm tội cụ thể của các bị cáo được xác định như sau:

1. Đối với Đặng Hồ Vân Th:

Trong thời gian từ tháng 01/2011 đến tháng 11/2014, Đặng Hồ Vân Th lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao là nhân viên kế toán thu, chi tạm ứng viện phí, tổ trưởng tổ nội trú Bộ phận thu viện phí Bệnh viện B thực hiện hành vi: tự ý rút 498 chứng từ biên nhận thu tạm ứng viện phí (liên hồng) trong hồ sơ các trường hợp đã được thanh toán trả lại tiền tạm ứng viện phí; in thêm 150 chứng từ biên nhận thu tạm ứng viện phí (liên hồng) cùng số seri, giống như biên nhận thu tạm ứng viện phí làm chứng từ chi trả tạm ứng viện phí cho bệnh nhân đã xuất viện, đồng thời ghi không thông tin tên bệnh nhân, số tiền chi trả và ký không tại mục “ký nhận” trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí để tiếp tục làm thủ tục thanh toán tiền tạm ứng viện phí chiếm đoạt tiền của Bệnh viện B. Số tiền Th lập chứng từ không để chiếm đoạt mỗi lần từ 200.000 đồng đến 6.100.000 đồng.

Quá trình điều tra, Th đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả giám định chữ viết, chữ số

trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí có đủ cơ sở xác định Th đã lập chứng từ không 648 trường hợp chiếm đoạt tổng số tiền **765.128.000 đồng**.

2. Đối với Lê Thị Thu H:

Kết luận điều tra và cáo trạng xác định: trong thời gian từ tháng 6/2012 đến tháng 11/2014, Lê Thị Thu H lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là nhân viên kế toán thu, chi tạm ứng viện phí tổ nội trú Bộ phận thu viện phí Bệnh viện B thực hiện hành vi: tự ý rút 146 chứng từ biên nhận thu tạm ứng viện phí (liên hồng) trong hồ sơ của các bệnh nhân xuất viện đã được thanh toán trả lại tiền tạm ứng viện phí; in thêm 06 chứng từ biên nhận thu tạm ứng viện phí (liên hồng) cùng số seri, giống như biên nhận thu tạm ứng viện phí làm chứng từ chi trả tạm ứng viện phí cho bệnh nhân đã xuất viện, đồng thời ghi không thông tin tên bệnh nhân, số tiền chi trả và ký không tại mục “ký nhận” trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí để tiếp tục làm thủ tục thanh toán tiền tạm ứng viện phí chiếm đoạt tiền của Bệnh viện B. Số tiền H lập chứng từ không để chiếm đoạt mỗi lần từ 300.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Thị Thu H không thừa nhận việc lập không chứng từ. Tuy xác định chữ viết và chữ ký tên bệnh nhân không trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí liên quan đến các chứng từ không nêu trên là của H nhưng H không biết đó là các chứng từ không, chỉ làm việc theo qui trình do bị cáo Đặng Hồ Vân Th chỉ đạo. H cũng thừa nhận khi thực hiện thủ tục chi trả lại tiền tạm ứng viện phí cho bệnh nhân, H có ghi chữ “trả” và số tiền đã trả trên chứng từ biên nhận thu tạm ứng viện phí (liên hồng) để kiểm soát số tiền đã chi trả nhưng không biết tại sao có nhiều trường hợp H trực tiếp thanh toán chi trả tạm ứng viện phí lần 1 nhưng sau đó vẫn tiếp tục thực hiện thủ tục chi trả tạm ứng viện phí lần 2 và cho rằng không kiểm tra chứng từ khi bệnh nhân quá đông hoặc khi chi viện phí mà không còn tiền, các nhân viên trong tổ có thể mượn tiền lẫn nhau và trả lại chứng từ, chứng từ này có hợp pháp hay không bản thân bị cáo không biết, cũng không tiến hành kiểm tra ngay mà chỉ hoàn tất vào cuối ngày khi làm báo cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả giám định chữ viết, chữ số trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí có đủ cơ sở xác định H phải chịu trách nhiệm đối với 152 trường hợp chi trả tạm ứng viện phí không đúng qui định của bệnh viện với tổng số tiền là **83.950.000 đồng**.

3. Đối với Phạm Thị Ái Nh:

Kết luận điều tra và cáo trạng xác định: trong thời gian từ tháng 08/2012 đến tháng 11/2014, Phạm Thị Ái Nh lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là nhân viên kế toán thu, chi tạm ứng viện phí tổ nội trú Bộ phận thu viện phí Bệnh viện B thực hiện hành vi: tự ý rút 08 chứng từ biên nhận thu tạm ứng viện phí (liên hồng) trong hồ sơ của các bệnh nhân xuất viện đã được thanh toán trả lại tiền tạm ứng viện phí; in thêm 124 chứng từ biên nhận thu tạm ứng viện phí (liên hồng) cùng số seri, giống như biên nhận thu tạm ứng viện phí làm chứng từ chi trả tạm ứng viện phí cho bệnh nhân đã xuất viện, đồng thời ghi không thông tin tên bệnh nhân, số tiền chi trả và ký không tại mục “ký nhận” trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí để tiếp tục làm thủ tục thanh toán tiền tạm ứng viện phí chiếm đoạt tiền của Bệnh viện B. Số tiền Nh lập chứng từ không để chiếm đoạt mỗi lần từ 200.000 đồng đến dưới

2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Thị Ái Nh không thừa nhận việc lập chứng từ khống. Nh xác định một số chữ ký trên các phiếu thu tạm ứng viện phí in 2 lần, chữ viết tên bệnh nhân khống trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí liên quan đến các chứng từ khống nêu trên là của Nh nhưng không biết các trường hợp này là khống. Nh cho rằng do tổ trưởng và các nhân viên trong tổ thời điểm này có quyền in của nhau nên khi 1 nhân viên có việc ra ngoài thì nhân viên khác cũng có thể dùng quyền in của bị cáo để in biên nhận thu tạm ứng viện phí và sau đó bị cáo về ký tên để hoàn thiện hồ sơ. Hơn nữa, việc mượn tiền và trả bằng chứng từ thời điểm này thường xuyên diễn ra nên bị cáo hoàn toàn không biết có ai đưa cho bị cáo các chứng từ khống để lấy tiền hay không, bị cáo chỉ làm theo qui trình thu chi do bị cáo Đặng Hồ Vân Th chỉ đạo và không ý thức được việc mình làm là không đúng qui định của bệnh viện. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả giám định chữ viết, chữ số trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí có đủ cơ sở xác định Nh phải chịu trách nhiệm đối với 132 trường hợp chi trả tạm ứng viện phí không đúng qui định đối với số tiền **80.700.000 đồng**.

Khoảng tháng 12/2014, bà Nguyễn Thị Ánh M – Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Bệnh viện B (Kế toán trưởng) thấy việc chi trả tạm ứng viện phí có dấu hiệu bất thường nên đã tiến hành kiểm tra, phát hiện và trình báo cơ quan có thẩm quyền về hành vi sai phạm của Đặng Hồ Vân Th, Nguyễn Thị Thu H và Phạm Thị Ái Nh.

Kết luận giám định:

- Tại các Kết luận giám định 735/PC09-Đ3 ngày 28/12/2018; Kết luận giám định 248/PC09-Đ3 ngày 24/4/2019; Kết luận giám định 291/PC09-Đ3 ngày 05/6/2019; Kết luận giám định 297/PC09-Đ3 ngày 14/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định chữ viết tên, chữ số trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí năm 2011, 2012, 2013, 2014 là của Đặng Hồ Vân Th.

- Tại các Kết luận giám định 281/PC09-Đ3 ngày 07/5/2019; Kết luận giám định 874/PC09-Đ3 ngày 28/6/2019; Kết luận giám định 877/PC09-Đ3 ngày 21/6/2019; Kết luận giám định 2011/PC09-Đ3 ngày 19/11/2019; Kết luận giám định 492/PC09-Đ3 ngày 29/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định chữ viết tên, chữ số trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí năm 2012, 2013, 2014 là của Lê Thị Thu H.

- Tại các Kết luận giám định 284/PC09-Đ3 ngày 12/3/2019; Kết luận giám định 874/PC09-Đ3 ngày 28/6/2019; Kết luận giám định 897/PC09-Đ3 ngày 05/7/2019; Kết luận giám định 2011/PC09-Đ3 ngày 19/11/2019; Kết luận giám định 492/PC09-Đ3 ngày 29/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định chữ viết tên, chữ số trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí năm 2012, 2013, 2014 là của Phạm Thị Ái Nh.

Về trách nhiệm dân sự:

- Trước khi khởi tố vụ án, ngày 29/12/2014, Đặng Hồ Vân Th đã nộp số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng cho Bệnh viện B; các ngày 29/5/2018, ngày 26/7/2018, ngày 06/8/2018 đã nộp tổng số tiền 568.128.000 (năm trăm sáu mươi tám

triệu một trăm hai mươi tám nghìn) đồng cho Cơ quan điều tra được tạm giữ vào tài khoản của Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Ngày 15/7/2020, Lê Thị Thu H đã nộp số tiền 83.950.000 (tám mươi ba triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, được tạm giữ tại tài khoản của Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Ngày 04/8/2020, Phạm Thị Ái Nh đã nộp số tiền 80.700.000 (tám mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, được tạm giữ tại tài khoản của Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại cáo trạng số 34/CT-VKS-P1 ngày 22/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Đặng Hồ Văn Th về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Truy tố các bị cáo Lê Thị Thu H và Phạm Thị Ái Nh về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2021/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Hồ Văn Th phạm tội “*Tham ô tài sản*”, các bị cáo Lê Thị Thu H, Phạm Thị Ái Nh phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt bị cáo Đặng Hồ Văn Th 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H 36 (ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt bị cáo Phạm Thị Ái Nh 36 (ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 10/12/2021, bị cáo Đặng Hồ Văn Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 18/5/2022, bị cáo Th kháng cáo bổ sung xin thay đổi tội danh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đặng Hồ Văn Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội của bị cáo vì nhiều nguyên nhân khách quan. Cụ thể, trách nhiệm trong vụ án này có một phần thuộc về ban lãnh đạo Bệnh viện B cũng như Kế toán trưởng và phòng tài chính kế toán bởi vì không phân công người quản lý, kiểm tra, giám sát theo quy định; tài liệu chứng từ sau khi hoàn tất cũng không có nơi lưu giữ, bảo quản dẫn đến việc bị cáo lợi dụng sơ hở đã thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài gần 4 năm. Hơn nữa, giai đoạn này gia đình bị cáo Th hết sức khó khăn, cha của bị

cáo bị bệnh hiểm nghèo nên bị cáo chiếm đoạt tiền nhằm chữa bệnh cho cha. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện theo ủy quyền của bị hại là Bệnh viện B cũng thừa nhận trong giai đoạn này phần mềm quản lý của bệnh viện còn yếu kém cũng như vai trò quản lý, giám sát của các bộ phận có liên quan chưa được thực hiện đầy đủ. Những thiếu sót này phần nào đã tạo cho các bị cáo thực hiện hành vi của mình trong thời gian dài và không bị phát hiện. Sau khi phát hiện hành vi, các bị cáo đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền để khắc phục hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đặng Hồ Văn Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận này phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và Kết luận giám định chữ viết tên, chữ số của bị cáo trên các bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí, thể hiện: Lợi dụng việc quản lý, lưu giữ hồ sơ chứng từ chi trả tạm ứng viện phí của Bệnh viện thiếu chặt chẽ nên trong thời gian từ tháng 01/2011 đến tháng 11/2014, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao khi thực hiện việc thu, chi trả tạm ứng viện phí, tự ý rút chứng từ biên nhận thu tạm ứng viện phí (liên hồng) trong hồ sơ đã chi trả lại tiền tạm ứng viện phí hoặc tự ý in thêm biên nhận thu tạm ứng viện phí (liên hồng) cùng số seri rồi ghi không tên bệnh nhân cùng số tiền tương ứng với số tiền chi trả tạm ứng viện phí trước đó và tự ký không tên bệnh nhân hoặc thân nhân bệnh nhân tại mục “ký nhận” trên bảng kê chi trả lại tiền tạm ứng viện phí vào những ngày khác nhau để tiếp tục làm thủ tục thanh toán tạm ứng viện phí. Sau đó, bị cáo quyết toán với thủ quỹ bệnh viện số tiền phải nộp bằng số tiền thu tạm ứng viện phí của bệnh nhân nhập viện phát sinh mới trong ngày làm việc trừ đi số tiền chi trả tạm ứng viện phí để chiếm đoạt của Bệnh viện B tổng số tiền 765.128.000 đồng. Hành vi nêu trên, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo qui định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo yêu cầu xem xét lại tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy rằng:

[2.1]. Về tội danh:

Trong vụ án này bị cáo Th được phân công làm Tổ trưởng tổ nội trú, còn Lê Thị Thu H và Phạm Thị Ái Nh là nhân viên hợp đồng; Theo quy định tại Điều 353 Bộ luật hình sự thì yếu tố “*chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý*” là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành cơ bản tội “Tham ô tài sản”. Bị cáo Th đã thực hiện một chuỗi hành vi, như: “*tự ý rút chứng từ*”, “*tự ý in thêm biên nhận thu tạm ứng*

viện phí”, “ghi không tên bệnh nhân cùng số tiền tương ứng”, “tự ký không tên bệnh nhân hoặc thân nhân bệnh nhân tại các bảng kê chi trả tiền tạm ứng”; sau đó quyết toán với thủ quỹ Bệnh viện B để chiếm đoạt của Bệnh viện B là đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”. Còn đối với bị cáo H, Nh quá trình điều tra không chứng minh được mục đích chiếm đoạt mà chỉ gây thiệt hại cho Bệnh viện nên bị Tòa sơ thẩm xét xử về tội “Lợi dụng, chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H, Nh không kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm đối với H, Nh đã có hiệu lực pháp luật, hiện nay đang chấp hành án. Vì vậy, cấp phúc thẩm không xem xét lại tội danh đối với H, Nh.

Do đó, việc bị cáo Th yêu cầu xem xét lại tội danh là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về xin giảm nhẹ hình phạt:

Xuất phát từ việc buông lỏng giám sát trong quy trình thanh toán tạm ứng viện phí và phần mềm quản lý chi trả tạm ứng viện phí của Bệnh viện, tạo điều kiện để các bị cáo chiếm đoạt. Đây cũng là trách nhiệm quản lý của ban lãnh đạo của Bệnh viện B làm thất thoát kinh phí hoạt động của Bệnh viện diễn ra trong thời gian dài mà không bị phát hiện. Trước khi khởi tố vụ án và xét xử sơ thẩm bị cáo Th đã nộp khắc phục lại toàn bộ hậu quả số tiền 765.128.000 đồng. Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện hợp pháp của bị hại cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mức án 08 năm tù mà Tòa sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt ở khoản 3 Điều 353 của BLHS (từ 15 năm đến 20 năm); tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới theo quy định pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3]. Về án phí: Bị cáo Đặng Hồ Vân Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1/. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Hồ Vân Th; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2021/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về hình phạt đối với bị cáo Th.

2/. Tuyên bố bị cáo Đặng Hồ Vân Th phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Xử phạt bị cáo Đặng Hồ Vân Th 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ

ngày bị váo chấp hành án.

3/. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/NQ/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Đặng Hồ Văn Th phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (2);
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- BCTN (1);
- Lưu VP(3), HS(2). 14b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết